

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v “Xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nh
2. Bà Trần Thị N

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 về việc “Xin ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bảo N, sinh năm 1996 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp Trại Lòn Nam, xã Nhơn Nh, huyện T, tỉnh Long An.

Nơi tạm trú: xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1997 (có mặt)

Cư trú: ấp Trại Lòn Nam, xã Nhơn Nh, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai của chị Lê Thị Bảo N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 13/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nh, huyện T, tỉnh Long An. Vợ chồng chị cùng làm việc tại khu công nghiệp Tân Hương và chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 Ph sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do tính tình không hợp với

nhau, cũng như anh L không quan tâm chia sẻ những khó khăn với chị mà còn ghen tuông và hành hung chị, từ đó chị thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh L.

Quá trình chung sống chị và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 29/7/2018 và Nguyễn Lê Thanh Ph, sinh ngày 05/7/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị Lê Thị Bảo N chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nhơn, huyện T, tỉnh Long An vào năm 2017. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn do chị N chung sống với người đồng tính, ngoài ra chị N bỏ đi gần 01 tháng nay không về thăm con. Nay anh xác định còn thương vợ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Như lời khai của chị N có 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 29/7/2018 và Nguyễn Lê Thanh Ph, sinh ngày 05/7/2020. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa chị Lê Thị Bảo N và anh Nguyễn Văn L thống nhất có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nhơn, huyện T, tỉnh Long An ngày 13/12/2017 nên hôn nhân hợp pháp, nay chị N khởi kiện xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn chị N và anh L cùng nhau đi làm tại khu công nghiệp Tân Hương thuộc xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, trong thời gian này chị N và anh L chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2021 giữa hai bên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do hai bên không hợp tính tình với nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh L còn ghen tuông và nghi ngờ chị N sống chung với người đồng tính nên anh có khuyên can mà chị N không nghe cho nên anh có đánh chị N, từ đó chị N sống ly thân anh L từ tháng 05 năm 2022 đến nay. Tại phiên tòa chị N xin giải quyết ly hôn với anh L, trước yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh L đồng ý. Xét thấy sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh L là hoàn toàn tự nguyện đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét

xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh L là có cơ sở.

[2.2] Về con chung, tại phiên tòa chị N và anh L thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 29/7/2018 và Nguyễn Lê Thanh Ph, sinh ngày 05/7/2020, tuy nhiên khi ly hôn thì cả chị N và anh L đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy đối với cháu Ph từ nhỏ sống bên ngoại và hiện nay cháu Ph chưa đủ 36 tháng tuổi, nên chị N yêu cầu nuôi con Nguyễn Lê Thanh Ph là có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”. Còn cháu Nguyễn Thị Mỹ D, tại phiên tòa chị N thừa nhận là cháu D thường sống bên nội, do đó chị N yêu cầu nuôi thì sẽ thay đổi môi trường sống và tâm lý của cháu D, cho nên yêu cầu xin nuôi cháu D của chị N là chưa phù hợp. Đối với anh L tại phiên tòa yêu cầu được nuôi cháu D vì từ nhỏ cháu D sống với ông bà nội, việc này chị N thừa nhận, nên yêu cầu được nuôi cháu D của anh L là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh L.

[2.3] Về phần cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị N yêu cầu anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, phía anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc chăm sóc, nuôi dạy con chung là nghĩa vụ của cha mẹ, vì vậy chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Tuy nhiên theo công văn số 24/1999/KHXX, ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối Cao người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định, cũng như theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu (mức lương cơ sở) của đơn vị hành chính sự nghiệp là 1.490.000 đồng/01 tháng, nên Hội đồng xét xử buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 đến khi con trưởng thành tròn 18 tuổi. Còn đối với anh L, tại phiên tòa không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị N và anh L thống nhất trong thời gian chung sống hai bên không có tài sản chung, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Tại phiên tòa chị N và anh L trình bày không có nợ, nên không xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 55, 58, khoản 3 Điều 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bảo N và anh Nguyễn Văn L.

2.Về con chung: Chị Lê Thị Bảo N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con Nguyễn Lê Thanh Ph, sinh ngày 05/7/2020 (chị N đang nuôi); anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 đến khi con trưởng thành tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 29/7/2018, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp có đơn yêu cầu của cha mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về án phí: Chị Lê Thị Bảo N phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí chị N theo biên lai số 0004356 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang thành án phí. Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H

